

# Lời cảnh báo trong tiếng Anh

## Lời cảnh báo trong tiếng Anh

Đôi khi chúng ta ở vào trường hợp phải báo động cho ai đó về một chuyện nguy hiểm hoặc không may sắp xảy ra. Dĩ nhiên, cách báo động sẽ tùy vào mức độ nguy hiểm, đe dọa của tình huống sắp xảy đến.

### Tình huống nguy hiểm

Trong tình huống cực kỳ nguy hiểm như khi một chiếc xe hơi đang trở tới gần một người khách bộ hành không để ý, chúng ta sẽ hét to:

- Hey! Look out! - Watch out! There's a car coming! - Get out of the way! Quick!

Cùng với những thán từ báo động là một vài điệu bộ như vẫy tay, nhảy, chỉ vào chiếc xe đang trở tới (chúng ta không nghĩ đến phép lịch sự vào thời điểm đó), và thậm chí còn kéo sệt người đó ra khỏi nơi nguy hiểm.

Trong bất kỳ một tình huống đáng sợ nào, lời báo động thông dụng nhất thường là các khẩu lệnh:

- Move! - Look out! - Be careful - Get out of the way! - Run! - Duck! (Cúi người xuống)

Chúng ta không cần phí thời gian cho những câu yêu cầu lịch sự đúng phép tắc. Phải la lớn báo cho họ biết tình huống nguy cấp.

### Tình huống không nguy hiểm

Nếu tình huống không nguy hiểm đến tính mạng như các ví dụ trước, không cần phải nói trực tiếp hoặc dùng các câu lệnh khô khan. Giả sử, một anh bạn đã uống say mèm phải lái xe về nhà. Bạn có thể nói:

- Jerry, you'd better not drink any more. You have to drive home, remember? hay - Jerry, if I were you, I'd slow down on the beer drinking. You've got a long drive home.

Sau đây là một vài cách cảnh cáo trong những tình huống ít nguy hiểm hơn, từ lời cảnh cáo thẳng, trực tiếp đến những lời khuyên nhẹ nhàng hơn:

- You must stop smoking so much. - You ought to eat less sugar and less red meat. - You need to think twice about spending all that money on a stereo. - You'd better not drive so fast. - You should study harder or you might not pass. - If I were you, I would not waste my time on that. - If I were in your shoes, I would not waste my time on that. - If I were in your situation, I would not waste my time on that. - I think it would be a good idea if you exercised more. - Don't you think you had better unplug the toaster before fixing it? - Don't you think you ought to unplug the toaster before fixing it? - Don't you think you should unplug the toaster before fixing it? - Perhaps you should think about studying more and playing video games less. - Maybe you ought to drive more carefully at night.

Lưu ý số động từ khiếm khuyết (**must, ought to, should, had better**) được sử dụng để làm dấu cảnh cáo.

Hiển nhiên, người **có quyền cao hơn** có thể dùng những câu cảnh cáo nghiêm khắc hơn đối với những người làm việc dưới quyền. Ví dụ, một bà giám đốc có thể nói với người bán hàng:

- Joe, your sales are slow this month. You need to get out there and hustle more! hustle (v): xoay xở

Một ông phó chủ tịch nói với nhân viên dưới quyền:

- Henry this is just a warning, but you need to shape up if you expect to stay in your position!

Hay một người mẹ nói với cô con gái:

- Laura, you had better study harder, or I'm going to have to ground you during the week.

Chú ý trong ví dụ hai và ba, kèm theo lời cảnh cáo người nói đưa ra hậu quả sẽ hoặc có thể xảy ra nếu không tuân lời. Ông phó chủ tịch cảnh cáo nhân viên về nguy cơ bị mất chức, và người mẹ để sẽ "giam lỏng" cô con gái trong nhà suốt tuần vì không nghe lời. Trong ví dụ đầu tiên không hề có đe dọa hay hậu quả nào được nhắc đến, nhưng anh nhân viên vẫn có thể lường trước được điều gì sẽ xảy ra nếu không biểu hiện khá hơn.